

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **285/2022/DS-ST**

Ngày 09 - 11 - 2022

V/v Tranh chấp Hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 437/2022/TLST-DS ngày 09/8/2022 về việc “*Tranh chấp Hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2022/QĐXXST-DS ngày 04/10/2022, giữa các đương sự

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2022 của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Ngày 29/12/2019 âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hui loại 3.000.000 đồng, hui gồm có 28 chung, 01 tháng khai 01 lần (thời gian mãn hui là ngày 10/4/2022 âm lịch), bị đơn tham chơi 01 chung. Quá trình khai hui đến kỳ thứ 05 bị đơn bỏ hui giá 1.410.000 đồng và được hốt hui với số tiền 47.070.000 đồng (đã trừ còn 1.500.000 đồng), nguyên đơn đã giao đầy đủ tiền hui cho bị đơn nhận tại “Giấy giao hui ngày 29/4/2020”. Sau khi hốt hui thì bị đơn đóng hui chết lại đến hết tháng 04/2021 âm lịch thì không tiếp tục đóng hui, số tiền hui chết bị đơn phải có nghĩa vụ đóng đến mãn hui là 12 lần X 3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng. Hui khai được 11 kỳ thì đình hui (lý do có nhiều hui viên hốt hui nhưng không đóng hui chết vào).

Ngày 29/12/2019 âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hụi loại 1.000.000 đồng, hụi gồm có 35 chung, 01 tháng khui 01 lần (thời gian mần hụi là ngày 29/11/2022 âm lịch), bị đơn tham chơi 01 chung. Quá trình khui hụi đến kỳ thứ 07 bị đơn bỏ hụi giá 460.000 đồng và được hốt hụi với số tiền 20.620.000 đồng (đã trừ cò 500.000 đồng), nguyên đơn đã giao đầy đủ tiền hụi cho bị đơn nhận tại “Giấy giao hụi ngày 29/5/2020”. Sau khi hốt hụi thì bị đơn đóng hụi chết lại đến hết tháng 04/2021 âm lịch thì không tiếp tục đóng hụi, số tiền hụi chết bị đơn phải có nghĩa vụ đóng đến mần hụi là 19 lần X 1.000.000 đồng = 19.000.000 đồng. Hụi khui được 11 kỳ thì đình hụi (lý do có nhiều hụi viên hốt hụi nhưng không đóng hụi chết vào).

Tổng 02 dây hụi bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 55.000.000 đồng (số tiền này nguyên đơn dùng để trả lại vốn và lãi cho các hụi viên có hụi sống đóng vào). Vào tháng 02/2022 âm lịch bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng và tháng 04/2022 âm lịch trả 5.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi 40.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Lời trình bày của bà Phan Bé C, bà Phạm Thị T tại các biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/9/2022 có tại hồ sơ, thể hiện:

Bà C biết bị đơn có tham gia chơi của nguyên đơn 01 chung hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi có 35 chung (hụi khui ngày 29/12/2019 âm lịch), bà C biết bị đơn đã hốt hụi, nhưng không biết việc bị đơn đóng hụi chết lại cho nguyên đơn. Bà T biết bị đơn có tham gia chơi của nguyên đơn 01 chung hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, hụi có 28 chung (hụi khui ngày 29/12/2019 âm lịch), bà T biết bị đơn đã hốt hụi, sau khi hốt hụi thì bị đơn có đóng hụi chết được vài tháng thì không tiếp tục đóng hụi cho nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định. Đối với bị đơn đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hụi 40.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy các người làm chứng là hội viên và là người thân của hội viên trong các dây hội có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu (trực tiếp tham gia giao dịch hội) đều xác định bị đơn có tham gia chơi 02 chung hội ở 02 dây hội khai cùng ngày 29/12/2019 âm lịch (01 chung loại 1.000.000 đồng (có 35 chung), 01 chung loại 3.000.000 đồng (có 28 chung)), hội do nguyên đơn làm chủ, quá trình khai hội thì bị đơn đã được hót hết 02 chung hội. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ tại “các giấy giao hội ngày 29/4/2020 và ngày 29/5/2020” do nguyên đơn cung cấp thì xác định được tại các giấy hội này đều có chữ ký tên và ghi họ và tên của bị đơn bên dưới cụm từ người hót hội, số tiền hội phù hợp theo lời trình bày của nguyên đơn; đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp cho bị đơn biết việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn biết được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và cũng không chứng minh việc đã thanh toán xong một phần hay toàn bộ số tiền hội cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định được thực tế bị đơn sau khi hót 02 chung hội thì không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hội chết lại cho nguyên đơn đến mãn hội còn lại số tiền 40.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hội 40.000.000 đồng là đúng.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền hội là 40.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của C phủ về họ, hội, biểu, phường.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của C phủ về hộ, hội, biểu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải nộp là 2.000.000 đồng.
- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0005254 ngày 05/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải

